

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI
Bản án số: 19/2019/HS-ST
Ngày 10-10-2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Quang và ông Nguyễn Ngọc Thời

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Trực – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2019/TLST-HS ngày 30/8/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Quang T - sinh ngày 10/7/1988 tại huyện M, tỉnh Quảng Ngãi

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện X, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Em B – sinh năm 1970 và bà Bùi Thị Đ - sinh năm 1967; vợ Trần Thị Hồng L – sinh năm 1992; con: 02 đứa lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính và hình sự. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Mỹ L – sinh năm 1996. Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện X, tỉnh Quảng Ngãi

Người làm chứng:

- Anh Võ Tấn Y – sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện X, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

- Chị Trần Thị Hồng L – sinh năm 1992. Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện X, tỉnh Quảng Ngãi
- Ông Nguyễn Thanh T – sinh năm 1970. Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện X, tỉnh Quảng Ngãi
- Anh Phạm Đình L (tên gọi khác: N) – sinh năm 1992. Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện X, tỉnh Quảng Ngãi

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ sáng 22 tháng 5 năm 2019, anh Phan Đình L (tên thường gọi là N) đến tiệm sửa xe máy ở thôn L, xã P, huyện X để mở cửa tiệm dọn dẹp, vệ sinh và sạc pin điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus của chị Nguyễn Thị Mỹ L (vợ anh L) để trên kệ để dụng cụ sửa xe. Sau đó L đi qua trường tiểu học số 1 P để lấy xe máy về sử dụng. Trong lúc L đi vắng thì Lê Quang T điều khiển xe mô tô 76G1-02558 đến tiệm xe máy của anh L để hỏi mua ổ bi của đề xe máy, khi đến T đi vào trong tiệm sửa xe và gọi “N ơi” nhưng không có ai trả lời, lúc này T thấy điện thoại đang sạc pin nên nảy sinh ý định chiếm đoạt và lấy điện thoại bỏ vào túi quần rồi điều khiển xe mô tô đi xuống đường bờ biển, trên đường đi sợ bị phát hiện nên T gỡ ốp lưng điện thoại vứt tại đường bờ biển và tắt nguồn điện thoại di động rồi bỏ vào cốp xe máy của T.

Sau khi quay lại tiệm sửa xe máy thì L phát hiện mất điện thoại di động nên cùng với Nguyễn Thị Mỹ L kiểm tra dữ liệu camera tại tiệm sửa xe thì phát hiện có Lê Quang T vào tiệm trong lúc L đi vắng. Sau đó L và L đi đến phòng trọ của T ở thôn T hỏi nhưng không gặp thì L đứng trước phòng trọ đợi còn L đi đến báo Công an xã P trình báo. Một lúc sau T về đến phòng trọ thì gặp chị L, sau đó nói chuyện thì T thừa nhận lấy điện thoại di động và chuẩn bị lấy điện thoại ra đưa cho L thì lúc này công an xã Phô T đến làm việc và thu giữ.

Theo kết luận giám định tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 02/7/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận giá trị còn lại của điện thoại di động Iphone 6 Plus có giá là 3.210.000đồng

Cáo trạng số: 25/CT - VKS –ĐP ngày 29/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân

huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố Lê Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa, đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo với mức án từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã trả lại cho người bị hại, người bị hại không yêu cầu gì nên đề nghị miễn xét.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Đức Phổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Quang T khai nhận vào sáng ngày 22/5/2019, khi qua nhà anh L không thấy có ai trông coi nên nảy sinh ý định và chiếm đoạt chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus của chị Trần Thị Mỹ L. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản.

[3] Hành vi của bị cáo lén lút lấy trộm điện thoại, theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định giá trị của chiếc điện thoại Iphone 6 Plus mà bị cáo trộm của chị L có giá là 3.210.000đồng. Nên hành vi của bị cáo đã

phạm tội được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét bị cáo là công dân Việt Nam, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có sự hiểu biết về pháp luật và xã hội. Bị cáo thừa hiểu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ không ai được quyền xâm phạm một cách trái pháp luật. Nhưng do nhất thời tham lam nên đã dẫn bị cáo vào con đường phạm tội. Nên Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường ộp lưng điện thoại cho người bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, người bị hại đã nhận lại tài sản và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt được thể hiện không có tiền án, tiền sự nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử bị cáo án cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Lẽ ra cần phải khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo, nhưng xét bị cáo thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Quang T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo Lê Quang T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ giám sát giáo dục nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Quang T.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên miễn xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Quang T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Quang T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại chị Nguyễn Thị Mỹ L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Đức Phổ;
- Cơ quan CSĐT công an huyện Đức Phổ;
- Cơ quan THAHS công an huyện Đức Phổ;
- Chi cục THADS huyện Đức Phổ;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Phổ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

Nguyễn Minh Kha